

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 2, 112 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây,
thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY
ĐÀ NẴNG**

REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Masco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng) theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05/4/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/06/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400102045.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 350/QĐ-SGDHN ngày 30/06/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MAS. Ngày giao dịch chính thức là ngày 15/07/2014.

Vốn điều lệ: 30.088.160.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015: 30.088.160.000 đồng

Công ty có 9 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- **Chi nhánh Phú Bài**

Địa chỉ: Tổ 18, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Mã số thuế chi nhánh: 0400102045-004

- **Chi nhánh Nha Trang**

Địa chỉ: Sân bay Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 0400102045-005

- **Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Đà Nẵng**

Địa chỉ: 21 Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế chi nhánh: 0400102045-010

- **Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Thừa Thiên Huế**

Địa chỉ: 34-36 Nguyễn Lương Bằng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Mã số thuế chi nhánh: 0400102045-006

- **Xí nghiệp Vận chuyển Hành khách**

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- **Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng Suất ăn Máy bay**

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- **Xí nghiệp Dịch vụ Hàng không**

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- **Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ**

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- **Trung tâm Dịch vụ Bảo dưỡng ô tô**

Địa chỉ: 21 Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : (+84) 0511 – 3 826 680
- Fax : (+84) 0511 – 3 826 133

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng ăn uống giải khát; Kinh doanh rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Đại lý vận tải hàng hoá bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, ciment);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn hàng thủy, hải sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công hàng may mặc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác,...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.2. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Đông	Chủ tịch	13/07/2011	
Ông Lại Đức Vĩnh	Thành viên	15/05/2013	
Ông Phạm Văn Hà	Thành viên	13/07/2011	
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	13/07/2011	
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên	13/07/2011	12/08/2015
Ông Cao Hữu Minh Nhật	Thành viên	12/08/2015	

4.3. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Dũng	Trưởng ban	13/07/2011	
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	22/05/2014	
Bà Dương Thùy Vân	Thành viên	13/07/2011	

4.4. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám đốc	20/05/2014	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	05/04/2006	
Ông Đoàn Trọng Tiến	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2011	
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2011	
Ông Phan Hữu Tâm	Kế toán trưởng	01/01/2012	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Đông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 09 đến trang 44.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc 



NGUYỄN THANH ĐÔNG

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2016.



Số: 2047/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 09 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

12/2016
CÔNG TY
NHÌEM VỤ
JAN
JAN
TP.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC với ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 180/2015/BCKT-AAC ngày 04/03/2015.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Đỗ Thị Hương - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 0967-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Xuân Thạnh - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 1650-2015-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

173
3 T
M H
VÀ T
V V
HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.485.516.708	48.216.564.670
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	14.181.285.143	20.923.846.733
111	1. Tiền		12.831.285.143	14.123.846.733
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.350.000.000	6.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.989.868.304	15.188.702.502
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	17.909.017.984	15.397.321.746
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	662.171.412	548.313.300
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	899.803.907	724.192.455
137	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.5	(1.481.124.999)	(1.481.124.999)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		6.918.201.884	9.804.538.475
141	1. Hàng tồn kho	V.6	6.918.201.884	9.804.538.475
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.396.161.377	2.299.476.960
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	1.210.902.116	1.330.220.833
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		185.259.261	969.256.127
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		69.605.985.454	52.894.363.952
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		68.788.225.078	52.036.286.458
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	68.233.813.339	51.428.813.491
222	- Nguyên giá		139.525.888.919	111.478.578.571
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(71.292.075.580)	(60.049.765.080)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	554.411.739	607.472.967
228	- Nguyên giá		736.433.100	736.433.100
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(182.021.361)	(128.960.133)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		168.729.453	113.052.364
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	168.729.453	113.052.364
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		649.030.923	745.025.130
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	649.030.923	745.025.130
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		110.091.502.162	101.110.928.622

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		53.821.137.431	46.067.572.433
310	I. Nợ ngắn hạn		41.893.476.751	37.852.746.943
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	10.231.902.908	10.945.508.307
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	702.134.968	33.005.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	3.759.344.037	3.163.078.438
314	4. Phải trả người lao động	V.14	6.507.578.017	8.854.972.283
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	12.000.400	21.854.646
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.16	2.827.920.591	2.103.767.663
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	10.828.848.422	10.342.025.007
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	5.753.715.079	1.462.156.770
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	1.270.032.329	926.378.329
330	II. Nợ dài hạn		11.927.660.680	8.214.825.490
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.17b	3.640.000.000	3.640.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	8.287.660.680	4.574.825.490
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		56.270.364.731	55.043.356.189
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	56.270.364.731	55.043.356.189
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.088.160.000	30.088.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		30.088.160.000	30.088.160.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		803.208.113	803.208.113
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.378.996.618	24.151.988.076
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		591.868.076	24.151.988.076
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		24.787.128.542	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		110.091.502.162	101.110.928.622

Tp. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN

Kế toán trưởng



PHAN HỮU TÂM



Tổng Giám Đốc



NGUYỄN THANH ĐÔNG

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	233.351.734.024	218.662.035.094
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	5.117.728.218	2.191.891.558
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		228.234.005.806	216.470.143.536
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	159.017.746.309	150.361.215.881
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.216.259.497	66.108.927.655
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	735.545.624	1.078.626.389
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	728.427.079	758.661.917
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		419.143.552	681.747.471
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	7.203.877.435	6.581.096.368
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	14.774.399.737	13.460.088.236
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.245.100.870	46.387.707.523
31	11. Thu nhập khác	VI.8	1.092.766.048	257.041.728
32	12. Chi phí khác	VI.9	267.613.616	110.893.676
40	13. Lợi nhuận khác		825.152.432	146.148.052
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		48.070.253.302	46.533.855.575
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	10.376.465.959	10.023.075.568
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.693.787.343	36.510.780.007
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	12.039	11.632
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN

Kế toán trưởng



PHAN HỮU TÂM

Tp. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2016



Tổng Giám Đốc



NGUYỄN THANH ĐÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		48.070.253.302	46.533.855.575
	2. Điều chỉnh cho các khoản		11.985.059.801	12.461.737.942
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		11.621.127.199	12.488.926.469
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		86.607.232	(52.216.427)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(141.818.182)	(656.719.571)
06	- Chi phí lãi vay		419.143.552	681.747.471
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		60.055.313.103	58.995.593.517
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.790.511.881)	6.524.542.231
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.886.336.591	(2.457.806.618)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(2.296.155.150)	(2.462.571.739)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		215.312.924	229.740.794
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(419.143.552)	(684.562.033)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.620.000.000)	(10.303.511.931)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.709.742.999	5.512.325.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(643.976.367)	(1.045.790.050)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		48.096.918.667	54.307.959.171
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(28.373.065.819)	(23.262.610.184)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		156.000.000	300.000.001
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		143.660.564	674.819.356
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.073.405.255)	(22.287.790.827)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	9.791.519.863	6.518.040.960
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(2.073.189.193)	(6.486.097.043)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(34.548.740.359)	(32.970.861.626)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.830.409.689)	(32.938.917.709)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(6.806.896.277)	(918.749.365)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		20.923.846.733	21.759.478.183
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		64.334.687	83.117.915
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	14.181.285.143	20.923.846.733

Người lập biểu



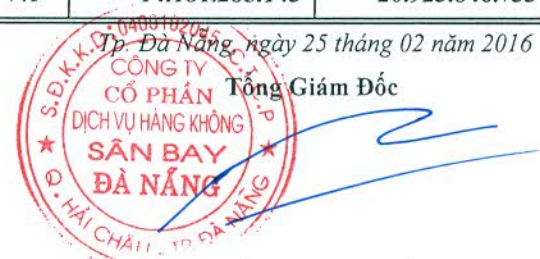
NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN

Kế toán trưởng



PHAN HỮU TÂM

040010201
 Tp. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2016
 Tổng Giám Đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
 Q. HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG



NGUYỄN THANH ĐÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Masco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng) theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05/4/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/06/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400102045.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng ăn uống giải khát; Kinh doanh rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Đại lý vận tải hàng hoá bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, ciment);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn hàng thủy, hải sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công hàng may mặc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có 9 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- **Chi nhánh Phú Bài**
Địa chỉ: Tổ 18, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Mã số thuế chi nhánh: 0400102045-004
- **Chi nhánh Nha Trang**
Địa chỉ: Sân bay Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0400102045-005
- **Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Đà Nẵng**
Địa chỉ: 21 Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế chi nhánh: 0400102045-010
- **Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Thừa Thiên Huế**
Địa chỉ: 34-36 Nguyễn Lương Bằng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Mã số thuế chi nhánh: 0400102045-006
- **Xí nghiệp Vận chuyển Hành khách**
Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng Suất ăn Máy bay**
Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- **Xí nghiệp Dịch vụ Hàng không**
Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- **Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ**
Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- **Trung tâm Dịch vụ Bảo dưỡng ô tô**
Địa chỉ: 21 Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 589 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 536 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong .. năm/tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

lắp đặt, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 đến 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Toàn bộ giá trị tài sản thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Toàn bộ các khoản nợ phải thu/nợ phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Toàn bộ doanh thu từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Toàn bộ chi phí liên quan của Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của các thành viên.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ

dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam Chi nhánh Đà Nẵng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 31/12/2015 là 22.430 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của TMCP Ngoại Thương Việt nam Chi nhánh Đà Nẵng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 31/12/2015 là 22.540 VND/USD.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế

toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tiền mặt		1.119.721.650		1.651.031.439
- VND		914.292.009		1.459.776.350
- USD	9.158,70	205.429.641	8.949,70	191.255.089
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)		11.711.563.493		12.472.815.294
- VND		7.758.173.039		5.047.439.261
- USD	176.254,59	3.953.390.454	347.500,05	7.425.376.033
Các khoản tương đương tiền (**)		1.350.000.000		6.800.000.000
Cộng	185.413,29	14.181.285.143	356.449,75	20.923.846.733

(*) Danh mục tiền gửi không kỳ hạn với Ngân hàng tại ngày 31/12/2015

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tam Kỳ		29.760.591		4.187.491
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Sân bay Đà Nẵng		426.871.501		1.670.414.993
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng		266.331.574		505.495.484
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Huế		190.708.954		28.012.108
- VND		145.351.905		14.940.720
- USD	2.022,16	45.357.049	611,67	13.071.388
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Bài		-		48.246.094
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng		506.590.383		2.310.270.761
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang		126.949.460		108.387.293
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng		4.856.648.192		7.631.480.250
- VND		948.614.787		224.964.311
- USD	174.232,43	3.908.033.405	346.617,50	7.406.515.939
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế		94.599.328		86.825.667
Ngân hàng TMCP Kỹ thương - Chi nhánh Thanh Khê		5.213.103.510		79.495.153
- VND		5.213.103.510		73.706.447
- USD		-	270,88	5.788.706
Cộng	176.254,59	11.711.563.493	347.500,05	12.472.815.294

(**) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi kỳ hạn có thời hạn < 3 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>7.686.671.003</i>	<i>4.896.133.252</i>
- Tổng Công ty Hàng không Quốc gia Việt Nam	7.686.671.003	4.896.133.252
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>10.222.346.981</i>	<i>10.501.188.494</i>
- Công ty CP Hàng không Đông Dương (*)	1.481.124.999	1.481.124.999
- Hãng hàng không NordWild	2.394.269.880	1.568.301.560
- Các khách hàng khác	6.346.952.102	7.451.761.935
Cộng	17.909.017.984	15.397.321.746

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>662.171.412</i>	<i>548.313.300</i>
- Công ty CP Thực phẩm và Đầu tư Công nghệ	300.000.000	100.000.000
- Công ty CP Công nghiệp & Phát triển Thương mại Hà Nội	120.364.440	120.364.440
- Công ty TNHH Tâm Thuận Phước	183.586.386	-
- Các nhà cung cấp khác	58.220.586	327.948.860
Cộng	662.171.412	548.313.300

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	172.117.233	-	62.881.110	-
Tạm ứng của cán bộ CNV	578.156.933	-	612.080.625	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	149.529.741	-	49.230.720	-
Cộng	899.803.907	-	724.192.455	-

5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với Công ty Hàng không Đông Dương được trích lập 100% giá trị khoản phải thu (1.481.124.999 đồng) theo Công văn số 320/CV-DVĐN ngày 06/11/2009 của Công ty gửi Cục Hàng không Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương đã ngừng bay một thời gian dài và đã chính thức bị Cục Hàng không Việt Nam rút giấy phép bay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
 Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	348.061.946	681.940.601
Lệ phí đường bộ	270.968.977	47.501.195
Chi phí thuê MBKD, khác	30.000.000	15.583.334
Cộng	649.030.923	745.025.130

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	745.025.130	798.855.432
Tăng trong năm	1.068.170.763	1.751.585.371
Phân bổ trong năm	(1.164.164.970)	(1.805.415.673)
Cộng	649.030.923	745.025.130

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.471.942.358	8.202.491.361	84.748.608.971	1.055.535.881	111.478.578.571
Mua sắm trong năm	-	250.000.000	20.156.685.553	-	20.406.685.553
Đ/tư XD/CB h/thành	7.966.380.266	-	-	-	7.966.380.266
Thanh lý, nhượng bán	-	-	325.755.471	-	325.755.471
Số cuối năm	25.438.322.624	8.452.491.361	104.579.539.053	1.055.535.881	139.525.888.919
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	312.144.121	438.518.245	44.134.241.993	107.432.027	44.992.336.386
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.433.530.785	1.387.637.904	52.669.899.295	558.697.096	60.049.765.080
Khấu hao trong năm	2.654.832.859	1.151.064.844	7.574.762.744	187.405.524	11.568.065.971
T/ly, nhượng bán	-	-	325.755.471	-	325.755.471
Số cuối năm	8.088.363.644	2.538.702.748	59.918.906.568	746.102.620	71.292.075.580
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.038.411.573	6.814.853.457	32.078.709.676	496.838.785	51.428.813.491
Số cuối năm	17.349.958.980	5.913.788.613	44.660.632.485	309.433.261	68.233.813.339
<i>Trong đó:</i>					
- Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
- Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 18.038.963.680 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (Xem tại Thuyết minh số V.18).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	473.227.100	263.206.000	736.433.100
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	473.227.100	263.206.000	736.433.100
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	35.650.000	35.650.000
- Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	128.960.133	128.960.133
Khấu hao trong kỳ	-	53.061.228	53.061.228
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	182.021.361	182.021.361
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	473.227.100	134.245.867	607.472.967
Số cuối kỳ	473.227.100	81.184.639	554.411.739
<i>Trong đó:</i>			
- Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
- Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	19.621.865.553	19.621.865.553	-	-
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	113.052.364	8.022.057.355	7.966.380.266	-	168.729.453
- Chi phí xây dựng nhà chế biến suất ăn Cam Ranh	-	1.168.297.404	1.168.297.404	-	-
- Chi phí xây dựng nhà kho, nhà ăn, nhà xe CBCNV Cam Ranh	81.645.091	2.813.196.727	2.894.841.818	-	-
- Chi phí xây dựng nhà chế biến suất ăn Phú Bài	15.952.728	152.776.725	-	-	168.729.453
- Xây dựng sân tập lái TTDN Đà Nẵng	15.454.545	3.062.847.337	3.078.301.882	-	-
- Xây dựng nhà kho Xi nghiệp Chế biến Thức ăn Đà Nẵng	-	615.152.799	615.152.799	-	-
- Xây dựng kho, xưởng may 21 Núi Thành, Tp. Đà Nẵng	-	209.786.363	209.786.363	-	-
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	-	-	-	-	-
Cộng	113.052.364	27.643.922.908	27.588.245.819	-	168.729.453

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	10.231.902.908	10.945.508.307
- Công ty TNHH Phân phối Thực phẩm Toàn Cầu	1.155.499.671	1.155.429.456
- Lê Ngọc Thịnh	690.976.948	655.363.349
- Các nhà cung cấp khác	8.385.426.289	9.134.715.502
Cộng	10.231.902.908	10.945.508.307

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	702.134.968	33.005.500
- Khóa B2K115A KG 20/12/2015	154.728.001	-
- Khóa B2K115B KG 20/12/2015	134.004.003	-
- Các khách hàng khác	413.402.964	33.005.500
Cộng	702.134.968	33.005.500

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	5.520.491.317	5.107.863.281	412.628.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.107.553.554	10.376.465.959	10.620.000.000	2.864.019.513
Thuế thu nhập cá nhân	55.524.884	1.540.782.366	1.113.610.762	482.696.488
Cộng	3.163.078.438	17.437.739.642	16.841.474.043	3.759.344.037

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng vận chuyển suất ăn, tiếp viên, tổ lái taxi, cung ứng suất ăn, nước uống, phí phục vụ, cung cấp các sản phẩm khác phục vụ các chuyến bay là 10%; các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Riêng đối với thu nhập tại Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco – Đà Nẵng và Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco – Huế, Công ty áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi này được quy định tại điểm 3 mục II phần H và điểm 2 mục III phần H tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.070.253.302	46.533.855.575
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	211.785.267	(108.003.226)
- Các khoản điều chỉnh tăng	211.785.267	61.151.544
+ Chi phí điều chỉnh tăng khi tính thuế	211.785.267	61.151.544
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	169.154.770
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		169.154.770
Thu nhập chịu thuế	48.282.038.569	46.425.852.349
- Thu nhập chịu thuế của các Trung tâm dạy nghề	2.164.685.020	2.001.373.122
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (*)	2.046.521.055	1.588.432.896
+ Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông	118.163.965	412.940.226
- Thu nhập chịu thuế của Công ty	46.117.353.549	44.424.479.227
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	48.282.038.569	46.425.852.349
- Thu nhập chịu thuế của các Trung tâm dạy nghề	2.164.685.020	2.001.373.122
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (*)	2.046.521.055	1.588.432.896
+ Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông	118.163.965	412.940.226
- Thu nhập chịu thuế theo thuế của Công ty	46.117.353.549	44.424.479.227
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	22%	22%
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	10.622.048.486	10.213.687.517
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	245.582.527	190.611.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.376.465.959	10.023.075.568
- Thuế TNDN phải nộp của các Trung tâm dạy nghề	230.648.178	249.690.138
- Thuế TNDN phải nộp các hoạt động của Công ty	10.145.817.781	9.773.385.430

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	6.507.578.017	8.854.972.283
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	<u>6.507.578.017</u>	<u>8.854.972.283</u>

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay dự chi	-	6.278.646
Chi phí khác	12.000.400	15.576.000
Cộng	<u>12.000.400</u>	<u>21.854.646</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại TTDN Đà Nẵng	1.467.167.911	1.250.118.482
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại TTDN Huế	672.840.680	391.889.181
Doanh thu quảng cáo	687.912.000	461.760.000
Cộng	<u>2.827.920.591</u>	<u>2.103.767.663</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	25.434.691
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	700.855.388	409.318.749
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.056.100.000	5.876.750.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.071.893.034	4.030.521.567
- Phải trả tiền bán vé máy bay	-	240.328.204
- Phải trả tiền trách nhiệm lái xe taxi	2.356.946.169	1.938.746.169
- Phải trả tiền trách nhiệm giáo viên dạy lái xe TTDN	160.000.000	185.000.000
- Phải trả khác cho các cá nhân góp vốn tại hai TTDN	-	704.173.103
- Cổ tức phải trả	75.097.223	22.453.582
- Các đối tượng khác	1.479.849.642	939.820.509
Cộng	10.828.848.422	10.342.025.007

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trung tâm đào tạo lái xe ô tô, mô tô Đà Nẵng	1.640.000.000	1.640.000.000
Tại Trung tâm đào tạo lái xe ô tô, mô tô T.T.Huế	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	3.640.000.000	3.640.000.000

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3.048.400.479	3.048.400.479	-	-
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Đà Nẵng	3.048.400.479	3.048.400.479	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.705.314.600	2.705.314.600	1.462.156.770	1.462.156.770
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Đà Nẵng	2.705.314.600	2.705.314.600	1.462.156.770	1.462.156.770
Cộng	5.753.715.079	2.705.314.600	1.462.156.770	1.462.156.770

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay trung hạn ngân hàng				
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Đà Nẵng	8.287.660.680	8.287.660.680	4.574.825.490	4.574.825.490
Cộng	8.287.660.680	8.287.660.680	4.574.825.490	4.574.825.490

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng:

- ✓ Hợp đồng tín dụng số 248/2013/VCB-KHDN ngày 16/09/2013
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 175.824 USD
 - Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe vận chuyển suất ăn
 - Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ;
 - Lãi suất vay: 6%/năm và được điều chỉnh 1 quý/1lần.
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay
- ✓ Hợp đồng tín dụng số 202/2014/VCB-KHDN ngày 06/06/2014:
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 177.392 USD
 - Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe vận chuyển suất ăn
 - Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày nhận nợ
 - Lãi suất vay: 5%/năm và được điều chỉnh 1 quý/1lần.
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay;
- ✓ Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 326/2015/VCB-KHDN ngày 23/10/2015:
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 5.800.000.000 đồng
 - Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm 25 xe Hyundai Grand i10 sedan 1,2MT – Base 05 chỗ phục vụ hoạt động kinh doanh taxi
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên (trong đó thời gian ân hạn là 2 tháng)
 - Lãi suất cho vay: 7,23% cố định trong thời hạn 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho các khoản vay
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	460.374.710	600.000.000	-	136.370.000	-	924.004.710
Quỹ phúc lợi	466.003.619	-	-	119.976.000	-	346.027.619
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	-	-	-	-	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	250.000.000	-	250.000.000	-	-
Cộng	926.378.329	850.000.000	-	506.346.000	-	1.270.032.329

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	30.088.160.000	(155.800.000)	326.125.143	477.082.970	22.600.134.664	53.335.702.777
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	155.800.000	-	-	-	155.800.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	36.510.780.007	36.510.780.007
Điều chỉnh theo TT200	-	-	477.082.970	(477.082.970)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.450.000.000)	(1.450.000.000)
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)
Bù đắp thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	(155.800.000)	(155.800.000)
Chia lợi nhuận cho các bên theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	-	(912.354.595)	(912.354.595)
Chia cổ tức cho các cổ đồng	-	-	-	-	(32.344.772.000)	(32.344.772.000)
Số dư cuối năm trước	30.088.160.000	-	803.208.113	-	24.151.988.076	55.043.356.189
Số dư đầu năm nay	30.088.160.000	-	803.208.113	-	24.151.988.076	55.043.356.189
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	37.693.787.343	37.693.787.343
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(850.000.000)	(850.000.000)
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(144.000.000)	(144.000.000)
Chia lợi nhuận cho các bên theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	-	(871.394.801)	(871.394.801)
Chia cổ tức cho các cổ đồng	-	-	-	-	(34.601.384.000)	(34.601.384.000)
Số dư cuối năm	30.088.160.000	-	803.208.113	-	25.378.996.618	56.270.364.731

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	10.854.050.000	10.854.050.000
Vốn góp của các đối tượng khác	19.234.110.000	19.234.110.000
Cộng	30.088.160.000	30.088.160.000

20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	30.088.160.000	30.088.160.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	30.088.160.000	30.088.160.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	35.472.778.801	33.257.126.595

20d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.008.816	3.008.816
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.008.816	3.008.816
- Cổ phiếu thường	3.008.816	3.008.816
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.008.816	3.008.816
- Cổ phiếu thường	3.008.816	3.008.816
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

20e. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 05 năm 2015 như sau:

	VND
• Chi trả lợi nhuận cho các cá nhân góp vốn kinh doanh tại các TTDN	912.354.595
• Chia cổ tức cho các cổ đông	34.601.384.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	600.000.000
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát : 144.000.000

20f. Cổ tức

- Ngày 15 tháng 01 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-DVĐN về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 40%/mệnh giá cổ phiếu. Khoản cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông vào ngày 12/02/2015.
- Ngày 20 tháng 05 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ về việc chi trả cổ tức đợt 3 năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 35%/mệnh giá cổ phiếu. Khoản cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông vào ngày 26/06/2015.
- Ngày 12 tháng 08 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT-DVĐN về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 40%/mệnh giá cổ phiếu. Khoản cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông vào ngày 15/09/2015.
- Ngày 17 tháng 11 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT-DVĐN về việc thống nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 40%/mệnh giá cổ phiếu. Khoản cổ tức này chưa được hạch toán trong báo cáo tài chính này và ngày chi trả cổ tức là ngày 08/01/2016.

21. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	185.413,29	356.449,75
Cộng	<u>185.413,29</u>	<u>356.449,75</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	19.230.407.762	18.865.166.334
Doanh thu bán thành phẩm	11.204.457.100	8.583.275.640
Doanh thu cung cấp dịch vụ	202.916.869.162	191.213.593.120
Cộng	<u>233.351.734.024</u>	<u>218.662.035.094</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	4.513.308.818	1.748.233.928
Giảm giá hàng bán	1.200.000	10.593.634
Hàng bán bị trả lại	603.219.400	433.063.996
Cộng	<u>5.117.728.218</u>	<u>2.191.891.558</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.640.640.078	10.407.339.972
Giá vốn của thành phẩm đã bán	10.433.438.588	7.549.179.308
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	137.943.667.643	132.404.696.601
Cộng	<u>159.017.746.309</u>	<u>150.361.215.881</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	143.660.564	660.171.876
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	552.287.038	341.873.415
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	52.216.427
Chiết khấu thanh toán	39.598.022	24.344.445
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	20.226
Cộng	<u>735.545.624</u>	<u>1.078.626.389</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	419.143.552	681.747.471
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	81.246.027	76.914.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	228.037.500	-
Cộng	<u>728.427.079</u>	<u>758.661.917</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.953.860.333	2.955.870.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.279.825.630	2.379.057.651
Chi phí khác	2.970.191.472	1.246.167.899
Cộng	<u>7.203.877.435</u>	<u>6.581.096.368</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.332.539.498	5.759.760.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.192.879.347	1.058.633.552
Chi phí khác	6.248.980.892	6.641.694.336
Cộng	<u>14.774.399.737</u>	<u>13.460.088.236</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	141.818.182	-
Nhập kho hàng tận dụng	147.397.557	194.003.715
Cho thuê mặt bằng	-	-
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	791.320.000	43.200.000
Thu nhập khác	12.230.309	19.838.013
Cộng	<u>1.092.766.048</u>	<u>257.041.728</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý TS	-	3.452.305
Chi thương tận dụng	45.976.726	25.752.608
Xuất hủy hàng	41.990.518	27.659.578
Chi phí khác	179.646.372	54.029.185
Cộng	<u>267.613.616</u>	<u>110.893.676</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.693.787.343	36.510.780.007
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.471.394.801)	(1.512.354.595)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(600.000.000)	(600.000.000)
+ Lợi nhuận chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	(871.394.801)	(912.354.595)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	36.222.392.542	34.998.425.412
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.008.816	3.008.816
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	12.039	11.632

(*) Do chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua nên Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 được tạm trích theo số tiền tương ứng như năm 2014. Số tiền trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định chính thức của Đại hội đồng cổ đông.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu	79.014.760.537	72.715.730.279
Chi phí nhân công	47.996.455.360	45.146.348.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.621.127.199	12.488.926.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.170.065.661	19.127.664.626
Chi phí khác bằng tiền	14.522.460.741	10.868.626.240
Cộng	170.324.869.498	160.347.296.021

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	9.791.519.863	6.518.040.960
Cộng	<u>9.791.519.863</u>	<u>6.518.040.960</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi trả đi vay theo kế ước thông thường	2.073.189.193	6.486.097.043
Cộng	<u>2.073.189.193</u>	<u>6.486.097.043</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị	102.000.000	102.000.000
<i>Thù lao</i>	102.000.000	102.000.000
Ban Tổng Giám đốc	2.187.313.189	2.134.499.529
<i>Tiền lương</i>	2.187.313.189	2.134.499.529
Cộng	<u>2.289.313.189</u>	<u>2.236.499.529</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Hàng không Việt Nam là công ty đầu tư vốn vào Công ty với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 36,07%/vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam		
Doanh thu	51.414.082.753	53.121.182.465
Cổ tức được hưởng	12.482.157.500	11.668.103.750
Cổ tức đã trả	12.482.157.500	12.210.806.250

Công nợ với các bên liên quan khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	7.686.671.003	4.896.133.252

2. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là cung cấp các dịch vụ liên quan đến hàng không (suất ăn, vận chuyển tổ lái...) và ba bộ phận địa lý chính là Tỉnh Thừa Thiên Huế, Tỉnh Khánh Hòa và Thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý mà Công ty hoạt động.

Số liệu cụ thể của tình hình hoạt động của từng bộ phận theo khu vực địa lý

Năm 2015	Thành phố Đà Nẵng	Tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Tổng cộng
Doanh thu	133.352.903.153	86.421.378.625	13.577.452.246	233.351.734.024
Các khoản giảm trừ DT	3.512.429.408	1.294.118.182	311.180.628	5.117.728.218
Giá vốn	100.364.830.090	48.576.314.203	10.076.602.016	159.017.746.309
Lợi nhuận gộp	29.475.643.655	36.550.946.240	3.189.669.602	69.216.259.497
Tài sản cố định	47.982.062.465	18.153.085.404	2.653.077.209	68.788.225.078
- Nguyên giá	107.112.229.531	27.859.105.154	5.290.987.334	140.262.322.019
- Hao mòn lũy kế	59.130.167.066	9.706.019.750	2.637.910.125	71.474.096.941

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014	Thành phố Đà Nẵng	Tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Tổng cộng
Doanh thu	105.424.391.710	100.122.745.561	13.114.897.823	218.662.035.094
Các khoản giảm trừ DT	1.505.311.707	421.186.603	265.393.248	2.191.891.558
Giá vốn	81.355.688.769	59.011.045.250	9.994.481.862	150.361.215.881
Lợi nhuận gộp	22.563.391.234	40.690.513.708	2.855.022.713	66.108.927.655
Tài sản cố định	30.814.303.797	17.678.128.022	2.936.381.672	51.428.813.491
- Nguyên giá	82.745.963.487	23.670.965.932	5.061.649.152	111.478.578.571
- Hao mòn lũy kế	51.931.659.690	5.992.837.910	2.125.267.480	60.049.765.080

3. Số liệu so sánh**3a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính này như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh do thay đổi chính sách kế toán	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Trên bảng cân đối kế toán					
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	62.881.110	661.311.345	724.192.455	
2. Tài sản ngắn hạn khác	155	661.311.345	(661.311.345)	-	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	326.125.143	477.082.970	803.208.113	
4. Quỹ dự phòng tài chính		477.082.970	(477.082.970)	-	
Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
1. Thu nhập khác	31	557.041.729	(300.000.001)	257.041.728	
2. Chi phí khác	32	410.893.677	(300.000.001)	110.893.676	
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	11.831	(199)	11.632	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2016.

NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN
Người lập biểu

PHAN HỮU TÂM
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH ĐÔNG
Tổng Giám đốc

0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z



2047TC/16/BCKT/AUD-VVALUES